TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:151/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 709/2019/TLST-HNGĐ 18/7/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số:129/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bạch M, sinh năm 1983; thường trú: 60/59C Nguyễn Văn K, phường V, thành phố R, tỉnh K; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:*Anh Võ Văn P, sinh năm 1985; thường trú: 60/59C Nguyễn Văn K, phường V, thành phố R, tỉnh K; tạm trú: 165/8, khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bạch M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị Bạch M và anh Võ Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện R, tỉnh K vào ngày 17/5/2004 theo giấy chứng nhận kết hôn số

110, quyển số 01. Việc kết hôn của chị M và anh P là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà riêng của hai vợ chồng ở tỉnh Kiên Giang, đến năm 2014 chuyển lên thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuê nhà trọ để sinh sống và làm việc. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P thường xuyên uống rượu, về nhà đánh đập chị, vì thương các con nên chị cố gắng tiếp tục chung sống với anh P. Mặc dù nhiều lần chị khuyên bảo anh P không uống rượu nữa nhưng anh P vẫn không thay đổi, đến năm 2017 chị chuyển về quê ở tỉnh Kiêng Giang để sinh sống và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 16/9/2003; cháu Võ Thị Huyền T, sinh ngày 16/3/2008 và cháu Võ Thị P T, sinh ngày 27/4/2014. Hiện các con chung đang sinh sống cùng với chị M. Chị M yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Văn P: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý yêu cầu anh P có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng anh P không có ý kiến, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh P tham gia hòa giải nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh P tham gia phiên tòa vào ngày 28/10/2019 và ngày 15/11/2019 nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với qui định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Bạch M và anh Võ Văn P không còn tình cảm, nguyên nhân do anh P thường xuyên uống rượu, đánh đập chị M, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Suốt quá trình tố tụng, anh P không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của chị M. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị M là có

căn cứ. Đề nghị, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bạch M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Võ Văn P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 28/10/2019 và ngày 15/11/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bạch M và anh Võ Văn P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh, huyện Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/5/2004 theo giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng chị M xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cụ thể là anh P thường xuyên uống rượu, rồi đánh đập chị. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập anh P đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do chị M cung cấp nhưng anh P không đến. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với qui định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Bạch M và anh Võ Văn P có 03 con chung là cháu Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 16/9/2003; cháu Võ Thị Huyền T, sinh ngày 16/3/2008 và cháu Võ Thị P T, sinh ngày 27/4/2014. Hiện nay, các con chung đang sống cùng với chị M. Việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng anh P không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không. Đồng thời, các cháu H, T và T đều là con gái nên cần sự nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ, bên cạnh đó trong khoảng thời gian hai vợ chồng ly thân thì các con chung đều do chị M trực tiếp nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo cho các cháu phát triển về mọi mặt. Do đó, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị M nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Bạch M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bạch M chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bạch M được ly hôn với anh Võ Văn P (theo giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện R, tỉnh K cấp ngày 17/5/2004).

2. Về con chung: Anh Võ Văn P có trách nhiệm giao 03 con chung là cháu Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 16/9/2003; cháu Võ Thị Huyền T, sinh ngày 16/3/2008 và cháu Võ Thị P T, sinh ngày 27/4/2014 cho chị Nguyễn Thị Bạch M tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Bạch M không yêu cầu anh Võ Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Võ Văn P có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Nguyễn Thị Bạch M không có quyền cản trở anh Võ Văn P thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Bạch M không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bạch M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028929 ngày 18/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã V, huyện R, tỉnh K;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Nguyễn Thị Thụy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Dĩ An, ngày 29 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Trọn.

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Trang, sinh năm 1990; thường trú: 18/6A, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

- Bị đơn: Anh Lê Thái Hòa, sinh năm 1987; thường trú: 23/24, khu phố Thắng Lợi 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Tống Lê Chân, Tổng cục VIII – Bộ Công An.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ; sau khi thảo luận, thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất các vấn đề sau:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh Trang được ly hôn với anh Lê Thái Hòa.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về con chung: Buộc anh Lê Thái Hòa giao con chung là cháu Lê Minh Nhựt, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Minh Trang trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Minh Trang không yêu cầu anh Lê Thái Hòa cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Minh Trang và anh Lê Thái Hòa đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Thái Hòa lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị Minh Trang nuôi con thì chị Nguyễn Thị Minh Trang có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Thái Hòa theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích

về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Trang phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019365, ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**